**MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ VÀ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN – LỚP 10**

**Thời gian : 90 phút**

**1. MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng****% điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn/ thơ | **3** | **0** | **4** | **1** | **0** | **2** | **0** | **0** | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết được một văn bản nghị luận về tác phẩm truyện/ thơ. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | ***15*** | ***5*** | ***20*** | ***20*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | **20%** | **40%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | **60%** | **40%** |

**2. BẢNG ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
|  | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn | **Nhận biết**:- Nhận biết được phong cách ngôn ngữ, phương thức biểu đạt.- Nhận biết được đề tài. - Nhận biết được ngôi kể.- Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn.- Xác định được hệ thống nhân vật, kết cấu, các thủ pháp nghệ thuật…**Thông hiểu**:- Tóm tắt được cốt truyện.- Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.- Hiểu và nêu được tình cảm, thái độ của người kể chuyện thông qua ngôn ngữ, giọng điệu kể và cách kể.- Nêu được tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba) trong một truyện kể.- Phân tích được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và/ hoặc lời của các nhân vật khác. - Giải thích được ý nghĩa, hiệu quả nghệ thuật của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu câu và biện pháp tu từ.**Vận dụng:**- Thể hiện được thái độ đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm. - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm. | **3 TN** | **4TN 1TL** | **2 TL** | **0** |
| Thơ | **Nhận biết:**- Nhận biết được thể thơ, từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ.- Nhận biết được phong cách ngôn ngữ, phương thức biểu đạt.- Nhận biết được bố cục, những hình ảnh tiểu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ.**Thông hiểu:**- Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.- Hiểu được nội dung chính của văn bản.- Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.- Hiểu được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ…**Vận dụng:**- Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân. - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn nghị luận về tác phẩm truyện/ thơ. | Viết được một văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện/ thơ. | 1 | 1 | 1 | 1 |
| **Tổng** |  | **3 TN** | **4TN 1TL** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **60** | **40** |

**Ghi chú: \*** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ.

**ĐỀ 113**

**Môn: Ngữ văn - Lớp 10**

*(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề)*

**I. ĐỌC HIỂU *(6.0 điểm)***

 **Đọc văn bản:**

**NỮ OA TẠO RA LOÀI NGƯỜI**

*Khi ấy, trời đất mới sinh, đã có cây cỏ, muôn thú mà chưa có loài người. Thế giới giống như một bức tranh buồn tẻ. Đi giữa thế giới hoang sơ, buồn tẻ ấy là vị đại thiên thần, chính là Nữ Oa. Lúc ấy, bà cảm thấy buồn chán, cô độc bèn nghĩ rằng cần phải tạo ra một cái gì đó cho thế giới này thêm vui tươi, giàu sức sống. Bà nghĩ ngợi hồi lâu, rồi đến bên đầm nước, lấy bùn đất màu vàng bên bờ đầm, trộn nhuyễn với nước, mô phỏng theo hình dáng của mình in bóng trên mặt nước mà nặn thành đồ vật xinh xắn, đáng yêu.*

*Lạ thay, vừa đặt xuống mặt đất, đồ vật xinh xắn ấy bỗng dưng có sức sống, cất tiếng nói trong trẻo, nhảy múa, vui đùa. Đồ vật xinh xắn ấy gọi là “Người”. “Người” được bàn tay nữ thần tạo ra, không giống các loài muông thú bởi được mô phỏng từ hình dáng của vị nữ thần. Nữ Oa vô cùng thích thú, hài lòng về sản phẩm do mình vừa tạo ra, bèn tiếp tục dùng đất bùn màu vàng hòa nhuyễn với nước nhào nặn ra rất nhiều người, trai có, gái có. Nhìn những con người vui đùa, cười nói xung quanh mình, Nữ Oa cảm thấy vui vẻ hẳn lên, không còn cô độc, buồn bã nữa.*

*Nhưng mặt đất hoang sơ vô cùng rộng lớn, bà làm việc không ngừng nghỉ trong một thời gian rất lâu mà mặt đất vẫn trống trải. Bà cứ miệt mài làm việc, làm tới lúc mỏi mệt lắm rồi mà mặt đất vẫn trống trải quá. Bà bèn nghĩ ra một cách, lấy một sợi dây, nhúng vào trong nước bùn, vung lên khắp phía. Người thì bảo bà dùng một sợi dây thừng, nhưng hồi đó làm gì có dây thừng, có lẽ bà đã dùng một sợi dây lấy từ một loài cây dây leo. Khi bà vung sợi dây dính đầy thứ bùn từ đất vàng đó lên, các giọt bùn đất màu vàng bắn đi khắp nơi, rơi xuống đất liền biến thành người, cười nói, chạy nhảy. Thế là mặt đất trở nên đông đúc bao nhiêu là người.*

 *(Trích “Nữ Oa”, Dương Tuấn Anh (sưu tầm, tuyển chọn) NXB Giáo dục Việt Nam, 2009).*

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1:** Xác định thể loại của văn bản trên:

 A. Cổ tích

 B. Truyền thuyết

 C. Thần thoại

D. Sử thi

**Câu 2:** Phương thức biểu đạt chính của văn bản là:

A. Nghị luận

 B. Tự sự

 C. Miêu tả

D. Biểu cảm

**Câu 3:** Trong văn bản, nhân vật Nữ Oa xuất hiện trong bối cảnh (thời gian, không gian) như thế nào?

 A. Trời đất mới sinh, đã có loài người nhưng chưa có cỏ cây muôn thú.

 B. Trời đất mới sinh, đã có cỏ cây muôn thú, mà chưa có loài người.

 C. Trời đất mới sinh, chỉ có Nữ Oa cũng một số vị thần như thần Lửa, thần Nước.

 D. Trời đất mới sinh, có cỏ cây muôn thú và các vị thần Lửa, thần Nước.

**Câu 4:** Phương án nào sau đây đúng và đủ các sự kiện chính trong đoạn trích Nữ Oa?

 A. Nữ Oa tạo ra loài người.

 B. Nữ Oa bênh vực loài người, Nữ Oa trừng phạt thần Lửa và thần Nước.

 C. Nữ Oa yêu thương con người, Nữ Oa tạo ra loài người.

 D. Nữ Oa luyện đá vá trời, giúp đỡ loài người.

**Câu 5:** Văn bản trên thể hiện nội dung nào dưới đây?

 A. Biết ơn người có công với cộng đồng.

 B. Tôn vinh người anh hùng.

 C. Thương xót con người bé nhỏ.

 D. Biết ơn thần linh và con người.

**Câu 6:** Dòng nào dưới đây **không đúng** với truyện Nữ Oa?

 A. Mang yếu tố hoang đường kỳ ảo

 B. Kết thúc truyện có hậu

 C. Nhân vật có khả năng phi thường

 D. Truyện được kể theo lời nhân vật

**Câu 7:**  Nhân vật Nữ Oa hội tụ những vẻ đẹp gì?

 A. Vẻ đẹp sức mạnh và cảm xúc

 B. Vẻ đẹp thể chất và ước mơ

 C. Vẻ đẹp trí tuệ và tình cảm

 D. Vẻ đẹp sức mạnh và trí tuệ

**Trả lời câu hỏi:**

**Câu 8:** Về phương diện thể loại, đoạn trích Nữ Oa giống đoạn trích nào đã học, và hãy chỉ những điểm giống nhau đó?

**Câu 9: “**Niềm tin thiêng liêng về một thế giới mà ở đó vạn vật đều có linh hồn” là một trong những vẻ đẹp của thần thoại. Theo anh/chị, niềm tin ấy còn có sức hấp dẫn với con người hiện đại không?

**Câu 10:** Anh chị rút ra được thông điệp tích cực gì sau khi đọc văn bản?

**II. VIẾT (4 điểm)**

 **Đọc bài thơ:**

 **CHÂN QUÊ (Nguyễn Bính)**

*Hôm qua em đi tỉnh về,
Đợi em ở mãi con đê đầu làng.
Khăn nhung, quần lĩnh rộn ràng.
Áo cài khuy bấm, em làm khổ tôi!
Nào đâu cái yếm lụa sồi?
Cái dây lưng đũi nhuộm hồi sang xuân?
Nào đâu cái áo tứ thân?
Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen?

Nói ra sợ mất lòng em,
Van em! Em hãy giữ nguyên quê mùa.
Như hôm em đi lễ chùa,
Cứ ăn mặc thế cho vừa lòng anh.
Hoa chanh nở giữa vườn chanh,
Thầy u mình với chúng mình chân quê.
Hôm qua em đi tỉnh về,
Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều.*

( *Nguyễn Bính toàn tập* (tập 1), NXB Hội Nhà văn, 2017)

 **Thực hiện yêu cầu:**

 Tình cảm đối với quê hương của chàng trai được thể hiện như thế nào trong bài thơ? Anh/ Chị trả lời câu hỏi bằng cách viết bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ).

***---Hết---***